

Bản án số: 121/2018/HS-PT

Ngày: 17/10/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Phượng**

Các thẩm phán: Bà **Lê Thị Hiền**

Ông Nguyễn Tuấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**—Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 135/2018/HSPT ngày 21/8/2018 đối với bị cáo Huỳnh Thị Kim T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 152/2018/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 21/6/1969 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: 208/173 đường số 5 khu phố 4, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Số 2 đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y (SN 1931); có 01 con sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2018. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thị Kim T không có quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 1 đường Q, phường S, thành phố N (số cũ là 58 đường M, phường S, thành phố N) và không được ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, khoảng tháng 4/2016, lợi dụng mối

quan hệ quen biết, T đã nói dối vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lê Thị Minh C là tài sản trên thuộc quyền sở hữu của mình. Bà C đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với lô đất trên với giá 390.000.000 đồng. Ông B, bà C đã trực tiếp giao tiền cho T. Cụ thể: Ngày 27/4/2016, giao 300.000.000 đồng; ngày 14/5/2016, giao 50.000.000 đồng; ngày 31/5/2016, giao 40.000.000 đồng. Tất cả các lần giao tiền, T đều ký nhận vào giấy nhận tiền để chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 27/4/2016. T lừa ông B và bà C rằng hiện nay hồ sơ giấy tờ đang được đo vẽ, khi hoàn thành xong sẽ ký hợp đồng mua bán tại phòng công chứng. Tuy nhiên, sau ba tháng kể từ khi giao toàn bộ số tiền trên, vợ chồng ông B, bà C không được T giao đất và cũng không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên ông B, bà C tố cáo hành vi lừa đảo của T đến Công an thành phố N.

Kết quả xác minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố N xác định: nhà đất số 1 đường Q, phường S, thành phố N (số cũ là 58 đường M, phường S, thành phố N) thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Văn Tường, bà Nguyễn Thị Rành (là cha, mẹ ruột của Huỳnh Thị Kim T), bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Th1, bà Huỳnh Thị Kim Th2 (là các chị ruột của T).

Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2018/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Huỳnh Thị Kim T; xử phạt Huỳnh Thị Kim T 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17/7/2018, bị cáo Huỳnh Thị Kim T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn, nên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

* Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa

sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Mặc dù không có quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 1 đường Q, phường S, thành phố N (số cũ là 58 đường M, phường S, thành phố N) và cũng không được ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Nhưng để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân nên khoảng tháng 4/2016, lợi dụng mối quan hệ quen biết với ông Phạm Văn B, T đã nói dối vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Lê Thị Minh C là tài sản trên thuộc quyền sở hữu của mình. Vì tin tưởng bị cáo nên vợ chồng ông B bà C đã đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất trên với giá 390.000.000 đồng và đã trực tiếp giao số tiền này cho T.

[2] Việc bị cáo nói dối người bị hại nhà đất tại số 1 đường Q, phường S, thành phố N là tài sản của bị cáo, bị cáo chưa thể ký hợp đồng chuyển nhượng, vì đang làm thủ tục giấy tờ đo vẽ và tách thửa để người bị hại tin là thật, đồng ý nhận chuyển nhượng và giao đủ số tiền chuyển nhượng nhà, đất nói trên cho bị cáo. Bằng thủ đoạn này bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 390.000.000 đồng của người bị hại. Hành vi này của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và sửa chữa bản thân.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là nhân dân lao động, có công việc làm ăn đàng hoàng nhưng do thiếu suy nghĩ và thiếu hiểu biết pháp luật nên đã nhất thời phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo đã nhận ra lỗi lầm nên đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, đã bồi thường và tác động gia đình khắc phục hậu quả (trả lại hết số tiền đã chiếm đoạt của người bị hại); được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo xuất thân trong gia đình có truyền thống cách mạng, cha, mẹ của bị cáo có nhiều công lao với đất nước, mẹ của bị cáo được tặng thưởng nhiều huy chương và huân chương trong công cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc; cha của bị cáo là hội viên cơ sở cách mạng. Vì vậy, cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo khi lượng hình.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trên đối với bị cáo. Tuy nhiên, mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc, chưa thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo là có căn cứ, nên chấp nhận giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt luật

định cũng đảm bảo mục đích của hình phạt. Đồng thời để bị cáo thấy được chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự mà cố gắng cải tạo, sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội, trở thành người công dân tốt.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Kim T; sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Huỳnh Thị Kim T.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Thị Kim T 05 (năm) năm tù** về tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 17/4/2018

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. N;
- VKSND TP. N
- Công an TP. N;
- THADS TP. N;
- Bị cáo; Lưu HS

Lê Thúy Phượng